

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	
<b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa:</b>		
Đặc tính, thông số kỹ thuật	- Hàng hóa tham dự thầu có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng tất cả yêu cầu tại chương V của E-HSMT - Cấu hình, tính năng cơ bản kê khai Webform trên hệ thống phải đầy đủ, rõ ràng và thống nhất với thông số kỹ thuật trong catalogue, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (có đóng dấu của nhà sản xuất/ nhà phân phối/nhà nhập khẩu đính kèm để chứng minh.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất	Tất cả các mục hàng hóa nhà thầu phải đề xuất cụ thể: mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất đầy đủ và chi tiết theo yêu cầu (Webform trên hệ thống) và phù hợp với hướng dẫn mẫu 10B Chương IV của E-HSMT	Đạt
	Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể hoặc không đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét đánh giá	Không đạt
<b>2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp bàn giao hàng hóa</b>		
Đăng ký, đăng kiểm lưu hành	Nhà thầu có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp khi bàn giao xe	Đạt
	Không có cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Cấp phép và cấp quyền ưu tiên xe cứu thương.	Nhà thầu có cam kết phương tiện đủ điều kiện cấp phép và cấp quyền ưu tiên xe cứu thương.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa	- Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế - Có trình bày biện pháp xử lý đối với trường hợp hàng hóa không đảm bảo chất lượng, hàng hóa bị lỗi.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	Không đạt
<b>3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì	- Cam kết thời gian bảo hành từ $\geq 36$ tháng hoặc 100.000 km, tùy vào điều kiện nào đến trước. Bảo trì định kỳ sản phẩm kể từ khi kết thúc thời gian bảo hành trở lên. - Nhà thầu có trình bày đầy đủ, chi tiết kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì	Đạt
	- Không có cam kết hoặc có cam kết thời gian bảo hành từ $< 36$ tháng hoặc $< 100.000$ km. - Không trình bày hoặc trình bày sơ sài không đầy đủ, không chi tiết kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì.	Không đạt
Có cam kết thực hiện chế độ bảo hành và dịch vụ hậu mãi theo đúng quy định của nhà sản xuất.	- Nhà thầu có cam kết sử dụng các linh kiện, phụ kiện được cung cấp bởi nhà sản xuất của thiết bị trong trường hợp thiết bị đó cần sửa chữa, thay thế trong thời gian bảo hành. - Sẵn sàng thực hiện việc bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ sau bán hàng khác cho sản phẩm chào thầu trong suốt thời gian bảo hành kể từ khi bàn giao cho đơn vị sử dụng. - Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp sản phẩm đã giao không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu. - Nhà thầu phải cam kết hỗ trợ, hướng dẫn, xử lý khi có sự cố từ xa hoặc tại nơi lắp đặt trong suốt thời gian bảo hành, việc này phải được tiến hành trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo sự cố qua điện thoại, email từ phía Bên mua.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng yêu cầu.	Không đạt
<b>4. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa	Nhà thầu có đề xuất tổng thời gian cung cấp hàng hóa là không quá 60 ngày	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	Không đạt
Tiến độ cung cấp hàng hóa chi tiết	- Có bảng tiến độ chi tiết cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	Không đạt

<b>5. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</b>		
Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã sử dụng	- Nhà thầu có cam kết không có hợp đồng tương tự bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc bị phạt vì vi phạm hợp đồng hoặc bị chấm dứt, thanh lý hợp đồng trước thời hạn do lỗi của nhà thầu hoặc chất lượng hàng hóa đã sử dụng do nhà thầu cung cấp được chủ đầu tư đánh giá không đạt chất lượng theo yêu cầu.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết, hoặc có cam kết nhưng được phát hiện có Nhà thầu vi phạm trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.	Không đạt
<b>6. Các nội dung cần thiết khác</b>		
Hỗ trợ đơn vị mua sắm đăng ký, đăng kiểm, ra biển số	Có cam kết hỗ trợ đơn vị mua sắm đăng ký, đăng kiểm, ra biển số	Đạt
	Không có cam kết hỗ trợ đơn vị mua sắm đăng ký, đăng kiểm, ra biển số	Không đạt
<b>Kết luận</b> (Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo)		

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**